1. **GIỚI THIỆU HỆ THỐNG**
2. **PHÂN TÍCH:**
   1. **Phát hiện thực thể**
      1. CUSTOMER (Khách hàng)
         * Mô tả: Khách hàng trên Facebook (Bán lẻ).
         * Thuộc tính:
           + #customerId (id facebook)
           + fullName
           + address (no, street, ward, district, city)
           + phone
           + email
           + customerType
           + (Dữ liệu từ Facebook)
      2. CUSTOMER\_TYPE
         * Mô tả: Phân loại khách hàng (Sỉ 5, sỉ 10, sỉ 20, Lẻ, …)
         * Thuộc tính:
           + customerTypeId
           + customerType
           + decription
      3. SUPPLIER (Nhà cung cấp)
         * Mô tả: Công ty hoặc nhà phân phối theo khu vực.
         * Thuộc tính:
           + #supplierId (id facebook)
           + fullName
           + address (no, street, ward, district, city)
           + phone
           + email
      4. USER (người dùng)
         * Mô tả: Tài khoản người dùng. Người bán hàng trên facebook, nhập hàng hóa từ Nhà cung cấp và bán cho Khách hàng.
         * Thuộc tính:
           + #username
           + password
           + role
      5. USER\_INFO (Thông tin người dùng)
         * Mô tả: Thông tin chi tiết người dùng
         * Thuộc tính:
           + # username
           + fullName
           + address (no, street, ward, district, city)
           + phone
           + email
           + Dữ liệu faceebok
      6. PRODUCT (mặt hàng)
         * Mô tả: Thông tin chi tiết mặt hàng trong kho
         * Thuộc tính:
           + #productId
           + category (Loại mặt hàng)
           + productName (Tên mặt hàng)
           + priceId : (đơn giá)
      7. UNIT\_PRICE (đơn giá của sản phẩm)
         * Mô tả: Mỗi mặt hàng sẽ có giá khách nhau. Và tùy theo loại khách hàng sẽ có giá khác nhau.
         * Thuộc tính:
           + #unitPriceId
           + unitPriceName
           + customerType
           + price
      8. STOCK (Kho hàng)
         * Thuộc tính
           + #stockId
           + productId
           + numOfProduct
      9. CATEGORY (Loại mặt hàng)
         * Mô tả: Phân loại các mặt hàng (Quần áo, nước hoa, …)
         * Thuộc tính:
           + #categoryId
           + categoryName
           + description
      10. TRANSACTION (Giao dịch)
          * Mô tả: Mô tả phương thức chuyển giao. VD: Ship COD, chuyển khoản ngân hàng, …
          * Thuộc tính: #transactionId, description
      11. GOOD\_RECEIPT (Phiếu nhập kho)
          * Mô tả: Phiếu nhập kho từ Nhà cung cấp (SUPPLIER)
          * Thuộc tính:
            + #goodReceiptId
            + supplierId (nhà cung cấp hàng)
            + items <productId, numOfProduct> // Danh sách mặt hàng và số lượng
            + transactionId (Loại giao dịch)
            + startDate (Ngày lập)
            + endDate (Ngày nhận)
            + amount (Thành tiền)
            + total (Tổng tiền)
            + status (chưa nhận / đã nhận)
            + 🡪 Bill nợ
      12. GOOD\_ISSUE (Phiếu xuất kho – hóa đơn bán lẻ)
          * Mô tả: Chi tiết đơn do khách hàng đặt
          * Thuộc tính:
            + #goodIssueId
            + customerId
            + items <productId, numOfProduct> // Danh sách mặt hàng và số lượng
            + transactionId (Loại giao dịch)
            + startDate (Ngày lập)
            + endDate (Ngày nhận)
            + amount (Thành tiền)
            + total (Tổng tiền)
            + status (hoàn thành / nợ)
            + 🡪 Bill nợ
      13. SERI\_NUMBER
          * Mô tả: Lưu số seri của sản phẩm khi bán ra để bắt phá giá
          * Thuộc tính:
            + seriNumberId
            + seriNumber
            + goodIssueId
   2. **Mô hình ERD**
   3. **Mô tả chi tiết thực thể:**
   4. **Mô hình DFD**
      1. DFD mức 0
      2. DFD chức năng …
   5. **Mô tả ô xử lý kho dữ liệu**
   6. **Mô hình Flowchart**
3. **THIẾT KẾ GIAO DIỆN**